

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BHXH-GD BHYT
V/v báo cáo tình hình thực hiện
chi KCB BHYT 6 tháng đầu năm 2023

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Thực hiện Công văn số 3274/UBND-VX ngày 23/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc quản lý chi phí, giải quyết vướng mắc trong công tác khám, chữa bệnh BHYT;

Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Bình Định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tình hình thực hiện chi khám bệnh, chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

I. Tình hình thực hiện KCB BHYT 6 tháng đầu năm 2023 và so với cùng kỳ năm 2022

1. Chi KCB BHYT 6 tháng đầu năm 2023

6 tháng đầu năm 2023, BHXH tỉnh Bình Định đã ký hợp đồng BHYT với 33 cơ sở KCB, trong đó: có 20 cơ sở KCB công lập và 13 cơ sở KCB tư nhân. Kết quả thực hiện chi KCB BHYT như sau:

- Số lượt KCB BHYT là: 1.224.288 lượt, tăng 369.648 lượt, tăng 43,25% so với cùng kỳ năm 2022 (số lượt KCB BHYT 6 tháng đầu năm 2022 là 854.640 lượt), tăng cao và đứng thứ 6 trên toàn quốc (TQ tăng 29,21%).

- Số chi KCB BHYT là: 585,534 tỷ đồng, tăng 113,219 tỷ đồng, tăng 23,97% so với cùng kỳ năm 2022 (số chi KCB BHYT 6 tháng đầu năm 2022 là 472,315 tỷ đồng), đứng thứ 35 trên toàn quốc (TQ tăng 23,38%).

Trong đó:

+ Nội trú: 118.165 lượt, tăng 30.189 lượt (tỷ lệ tăng 34,32%) so với cùng kỳ. Số chi KCB BHYT là: 384,183 tỷ đồng, tăng 61,78 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 19,22%) so với cùng kỳ.

+ Ngoại trú: 1.106.123 lượt, tăng 337.245 lượt (tỷ lệ tăng 43,99%) so với cùng kỳ. Số chi KCB BHYT là: 201,351 tỷ đồng, tăng 50,14 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 33,24%) so với cùng kỳ.

Tình hình thực hiện chi KCB BHYT 6 tháng đầu năm 2023: Có 27/33 cơ sở KCB trong tỉnh có chi phí KCB BHYT tăng so với cùng kỳ, cụ thể:

- Tuyển trung ương: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 15,03%, số tiền tăng 2,144 tỷ đồng.

- BV tuyến tỉnh: BV Tâm thần Bình Định tăng cao nhất, tăng 58,96%, số tiền tăng 2,918 tỷ đồng; BV 13/QK5 tăng 27,87%, số tiền tăng 930 triệu đồng; BVĐK KV Bồng Sơn tăng 26,41%, số tiền tăng 8,728 tỷ đồng; BVĐK tỉnh Bình Định tăng 19,88%, số tiền tăng 43,343 tỷ đồng.

- BV tuyến huyện: TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng cao nhất, tăng 74,64%, số tiền tăng 4,621 tỷ đồng; TTYT huyện Vân Canh tăng 67,50%, số tiền tăng 1,159 tỷ đồng; TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng 63,38%, số tiền tăng 2,921 tỷ đồng; TTYT huyện Tây Sơn tăng 56,72%, số tiền tăng 6,541 tỷ đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 55,99%, số tiền tăng 5,201 tỷ đồng; TTYT thị xã An Nhơn tăng 54,47%, số tiền tăng 7,912 tỷ đồng; BVĐK Hòa Bình tăng 41,40%, số tiền tăng 4,076 tỷ đồng; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 39,80%, số tiền tăng 8,212 tỷ đồng; TTYT huyện An Lão tăng 36,87%, số tiền tăng 660 triệu đồng; TTYT huyện Tuy Phước tăng 34,17%, số tiền tăng 3,514 tỷ đồng; TTYT huyện Hoài Ân tăng 28,21%, số tiền tăng 1,802 tỷ đồng; TTYT huyện Phù Cát tăng 27,54%, số tiền tăng 4,463 tỷ đồng; BV Bình Định tăng 17,63%, số tiền tăng 4,010 tỷ đồng.

- PKĐK tư nhân: PKĐK 38 Lê Lợi tăng cao nhất, tăng 49,16%, số tiền tăng 2,284 tỷ đồng; PKĐK Phạm Ngọc Thạch tăng 47,66%, số tiền tăng 162 triệu đồng; PKĐK Thành Long tăng 37,35%, số tiền tăng 2,754 tỷ đồng; PKĐK Hương Sơn tăng 26,41%, số tiền tăng 939 triệu đồng; PKĐK Giang San tăng 12,41%, số tiền tăng 554 triệu đồng; PKĐK Toàn Mỹ tăng 8,96%, số tiền tăng 74 triệu đồng; PKĐK Thành Danh tăng 5,06%, số tiền tăng 56 triệu đồng; PKĐK Điều Trị tăng 2,34%, số tiền tăng 41 triệu đồng.

2. Phân tích, so sánh bình quân chi phí KCB BHYT ngoại trú 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và so với các BV cùng tuyến, cùng hạng toàn quốc (TQ)

Bình quân chi phí KCB BHYT ngoại trú toàn tỉnh là 191.497 đồng.

2.1 Có 05/33 cơ sở tăng hơn 2% so với cùng kỳ

- BV Tuyến TW: BV Phong - Đa liễu TW Quy Hòa tăng 11,20%, số tiền tăng 40.477 đồng.

- BV tuyến tỉnh: BV CH và PHCN Quy Nhơn tăng cao nhất, tăng 24,67%, số tiền tăng 110.342 đồng; BV Mắt tỉnh Bình Định tăng 4,39%, số tiền tăng 9.020 đồng.

- PKĐK tư nhân: PKĐK Phạm Ngọc Thạch tăng 6,19%, số tiền tăng 8.773 đồng.

2.2 Có 03 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

- BV tuyến tỉnh: BV Tâm thần Bình Định tăng cao nhất, tăng 57,69%, số tiền tăng 109.031 đồng; BV Mắt tỉnh Bình Định tăng 40,15%, số tiền tăng 61.394 đồng.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Tây Sơn tăng 2,98%, số tiền tăng 6.149 đồng.

3. Phân tích, so sánh bình quân chi phí KCB BHYT nội trú 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và so với các BV cùng tuyến, cùng hạng toàn quốc

Bình quân chi phí KCB BHYT nội trú toàn tỉnh là 3.748.747 đồng.

3.1 Có 07/23 cơ sở tăng >2% so với cùng kỳ

BV tuyến huyện: TTYT huyện Tuy Phước tăng cao nhất, tăng 19,17%, số tiền tăng 290.499 đồng; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 14,63%, số tiền tăng 256.328 đồng; TTYT huyện Vân Canh tăng 14,18%, số tiền tăng 151.365 đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 9,69%, số tiền tăng 165.551 đồng; TTYT huyện Tây Sơn tăng 6,73%, số tiền tăng 108.126 đồng; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 5,51%, số tiền tăng 152.541 đồng; TTYT huyện An Lão tăng 2,61%, số tiền tăng 29.391 đồng.

3.2 Có 07/23 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

BV tuyến huyện: TTYT huyện Phù Cát tăng cao nhất, tăng 22,55%, số tiền tăng 375.262 đồng; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 20,67%, số tiền tăng 343.946 đồng; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 20,13%, số tiền tăng 489.546 đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 12,59%, số tiền tăng 209.565 đồng; TTYT huyện Tuy Phước tăng 8,52%, số tiền tăng 141.814 đồng; TTYT thị xã An Nhơn tăng 4,87%, số tiền tăng 80.997 đồng; TTYT huyện Tây Sơn tăng 3,03%, số tiền tăng 50.481 đồng.

4. Phân tích, so sánh tỷ lệ nhập viện 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và so với các BV cùng tuyến, cùng hạng toàn quốc

Bình quân tỷ lệ nhập viện toàn tỉnh là 9,68%.

4.1. Có 04 cơ sở tăng hơn 2% so với cùng kỳ

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 2,86%.
- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tăng 17,71%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Tây Sơn tăng cao nhất 3,43%; TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng 2,09%.

4.2. Có 13 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa cao hơn 7,13%.
- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tỷ lệ cao nhất 30,41%; BVĐK tỉnh Bình Định cao hơn 4,18%; BV Tâm thần Bình Định tăng 2,2%.
- BV tuyến huyện: BV Bình Định tỷ lệ cao nhất 10,80%; TTYT huyện Vân Canh cao hơn 7,77%; TTYT huyện Vĩnh Thạnh cao hơn 7,05%; TTYT thị xã An Nhơn cao hơn 5,0%; TTYT thị xã Hoài Nhơn cao hơn 4,60%; TTYT huyện Tây Sơn cao hơn 4,28%; TTYT huyện Phù Mỹ cao hơn 4,11%; TTYT huyện Tuy Phước cao hơn 2,94%; TTYT huyện An Lão cao hơn 2,87%.

5. Phân tích, so sánh bình quân ngày điều trị nội trú 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và so với các BV cùng tuyến, cùng hạng toàn quốc

Bình quân ngày điều trị nội trú toàn tỉnh là 6,83 ngày, tăng 0,4 ngày so với cùng kỳ và cao hơn 0,38 ngày so với TQ (TQ: 6,45 ngày).

5.1. Có 14 cơ sở tăng so với cùng kỳ

- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tăng cao nhất 1,16 ngày; BVĐK KV Bồng Sơn tăng 0,22 ngày; BV Mắt tỉnh Bình Định tăng 0,18 ngày.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Phù Mỹ tăng cao nhất 1,08 ngày; TTYT huyện Hoài Ân tăng 0,67 ngày; TTYT huyện Tây Sơn tăng 0,66 ngày; TTYT huyện Vân Canh tăng 0,63 ngày; TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng 0,62 ngày; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 0,5 ngày.

5.2. Có 14 cơ sở cao hơn 0,2 ngày so với toàn quốc

- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tỷ lệ cao nhất 1,45 ngày; BVĐK tỉnh Bình Định cao hơn 0,64 ngày; BV CH và PHCN Quy Nhơn cao hơn 0,09 ngày.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Phù Mỹ tỷ lệ cao nhất 1,35 ngày; TTYT huyện Tuy Phước cao hơn 1,3 ngày; TTYT huyện Phù Cát cao hơn 1,1 ngày; TTYT thị xã Hoài Nhơn cao hơn 1,08 ngày; BV Bình Định cao hơn 0,89 ngày; BVĐK Hòa Bình cao hơn 0,85 ngày; TTYT huyện Hoài Ân cao hơn 0,74 ngày; TTYT thị xã An Nhơn cao hơn 0,73 ngày; TTYT huyện Vĩnh Thạnh cao hơn 0,66 ngày.

6. Phân tích, so sánh cơ cấu chi phí KCB BHYT ngoại trú 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và so với các BV cùng tuyến, cùng hạng TQ

6.1. Cơ cấu chi phí thuốc: Bình quân cơ cấu chi phí thuốc toàn tỉnh là 50,79%, tăng 0,69% so với cùng kỳ.

6.1.1. Có 04 cơ sở tăng >2% so với cùng kỳ

- BV tuyến tỉnh: BV Mắt tỉnh Bình Định tăng cao nhất, tăng 7,71%; BVĐK tỉnh Bình Định tăng 4,22%.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Phù Mỹ tăng cao nhất, tăng 4,38%; TTYT thị xã An Nhơn, tăng 3,70 %.

6.1.2. Có 14 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

- BV tuyến tỉnh: BV Tâm thần Bình Định tỷ lệ cao nhất 13,29%; BV 13/QK5 cao hơn 10,52%; BV Mắt tỉnh Bình Định cao hơn 5,64%; BVĐK KV Bồng Sơn cao hơn 3,97%.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Tây Sơn tỷ lệ cao nhất 5,19%; TTYT huyện Vân Canh cao hơn 4,98%; TTYT thành phố Quy Nhơn cao hơn 4,66%.

- PKĐK tư nhân: PKĐK Hương Sơn tỷ lệ cao nhất 11,91%; PKĐK Phạm Ngọc Thạch cao hơn 10,57%; PKĐK Toàn Mỹ cao hơn 7,15%; PKĐK Thành Danh cao hơn 5,18%; PKĐK 38 Lê Lợi cao hơn 4,21%; PKĐK Đình Trọng Sơn cao hơn 4,11%; PKĐK Thành Long cao hơn 4,07%.

6.2. Cơ cấu chi phí xét nghiệm:

Bình quân cơ cấu chi phí xét nghiệm toàn tỉnh là 8,87%.

6.2.1. Có 02 cơ sở tăng hơn 2% so với cùng kỳ

- PKĐK tư nhân: PKĐK Thành Danh tăng cao nhất 4,99%; PKĐK Giang San tăng 3,18%.

6.2.2. Có 06 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

- BV tuyến huyện: TTYT thị xã Hoài Nhơn tỷ lệ cao nhất 3,72%; TTYT huyện An Lão cao hơn 3,07%.

- PKĐK tư nhân: PKĐK Điều Trì tỷ lệ cao nhất 11,77%; PKĐK Giang San cao hơn 3,28%; PKĐK Giang San cao hơn 3,28%; PKĐK Toàn Mỹ cao hơn 2,43%.

6.3. Cơ cấu chi phí chẩn đoán hình ảnh: Bình quân cơ cấu chi phí chẩn đoán hình ảnh (CĐHA) toàn tỉnh là 11,95%, cao hơn 1,24% so với TQ (TQ: 10,71%).

6.3.1. Có 04 cơ sở tăng >2% so với cùng kỳ

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vân Canh tăng 2,10%.

- PKĐK tư nhân: PKĐK Phạm Ngọc Thạch tăng cao nhất 12,26%; PKĐK Điều Trì tăng 3,56%; PKĐK Toàn Mỹ tăng 3,53%.

6.3.2. Có 16 cơ sở cao hơn 2% so với TQ

- BV tuyến tỉnh: BV CH và PHCN Quy Nhơn tỷ lệ cao nhất 7,62%; BVĐK KV Bồng Sơn cao hơn 5,88%.

- BV tuyến huyện: TTYT thị xã Hoài Nhơn tỷ lệ cao nhất 11,18%; TTYT huyện Tuy Phước cao hơn 6,46%; TTYT thị xã An Nhơn cao hơn 4,61%; TTYT huyện Hoài Ân cao hơn 4,49%; TTYT huyện Phù Cát cao hơn 3,73%; BV Bình Định cao hơn 3,67%; TTYT huyện Phù Mỹ cao hơn 3,35%.

- PKĐK tư nhân: PKĐK 38 Lê Lợi tỷ lệ cao nhất 9,12%; PKĐK Thành Danh cao hơn 8,68%; PKĐK Điều Trì tỷ lệ cao hơn 8,30%; PKĐK Thành Long cao hơn 7,75%; PKĐK Phạm Ngọc Thạch cao hơn 7,42%; PKĐK Đình Trọng Sơn cao hơn 7,09%; PKĐK Giang San cao hơn 6,12%.

6.4. Cơ cấu chi phí phẫu thuật thủ thuật (PTTT): Bình quân cơ cấu chi phí PTTT toàn tỉnh là 12,16%.

6.4.1. Có 04 cơ sở tăng >2% so với cùng kỳ

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 11,02%.

- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tăng cao nhất 4,93%; BV CH và PHCN Quy Nhơn tăng 4,50%.

- BV tuyến huyện: BVĐK Hòa Bình tăng cao nhất 3,40%; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 2,18%.

6.4.2. Có 04 cơ sở cao hơn 2% so với so với TQ

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa cao hơn 20,90%.

- BV tuyến tỉnh: BVĐK tỉnh Bình Định tỷ lệ cao nhất 9,34%; BV Mắt tỉnh Bình Định cao hơn 4,50%.

- BV tuyến huyện: BVĐK Hòa Bình cao hơn 4,97%.

6.5. Cơ cấu chi phí công khám: Bình quân cơ cấu chi phí công khám toàn tỉnh là 16,02%, tăng 1,20% so với cùng kỳ và cao hơn 6,32% so với TQ (TQ: 9,71%).

6.5.1. Có 07 cơ sở tăng >2% so với cùng kỳ

- BV tuyến tỉnh: BVĐK KV Bồng Sơn tăng 2,07%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Tuy Phước tăng 4,69%.
- PKĐK tư nhân: PKĐK Toàn Mỹ tăng cao nhất 3,77%; PKĐK Hương Sơn tăng 3,69%; PKĐK Giang San tăng 2,39%; PKĐK Điều Trì tăng 2,14%; PKĐK Đinh Trọng Sơn tăng 2,03%.

6.5.2. Có 23 cơ sở cao hơn 2% so với TQ

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa cao hơn 6,50%.
- BV tuyến tỉnh: BVĐK KV Bồng Sơn tỷ lệ cao nhất 11,09%; BV 13/QK5 cao hơn 6,17%; BV CH và PHCN Quy Nhơn cao hơn 2,98%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Hoài Ân tỷ lệ cao nhất 8,49%; TTYT huyện An Lão cao hơn 8,24%; TTYT huyện Tuy Phước cao hơn 6,91%; TTYT thị xã Hoài Nhơn cao hơn 6,61%; TTYT thành phố Quy Nhơn cao hơn 6,28%; TTYT thị xã An Nhơn cao hơn 5,59%; TTYT huyện Vân Canh cao hơn 5,43%; TTYT huyện Vĩnh Thạnh cao hơn 5,35%; BV Bình Định cao hơn 4,90%; BVĐK Hòa Bình cao hơn 4,35%.
- PKĐK tư nhân: PKĐK Hương Sơn tỷ lệ cao nhất 13,24%; PKĐK Giang San cao hơn 12,69%; PKĐK Thành Danh cao hơn 12,55%; PKĐK Đinh Trọng Sơn cao hơn 12,46%; PKĐK 38 Lê Lợi cao hơn 12,39%; PKĐK Thành Long cao hơn 12,26%; PKĐK Toàn Mỹ và PKĐK Điều Trì cao hơn 11,92%; PKĐK Phạm Ngọc Thạch cao hơn 7,26%.

7. Phân tích, so sánh cơ cấu chi phí KCB BHYT nội trú 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 và so với toàn quốc

7.1. Cơ cấu chi phí giường: chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu chi phí nội trú. Bình quân cơ cấu chi phí giường toàn tỉnh 32,09%, tăng 5,99% so với cùng kỳ và cao hơn 8,40% so với TQ (TQ: 23,68%).

7.1.1. Có 17 cơ sở tăng hơn 2% so với cùng kỳ

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 3,15%.
- BV tuyến tỉnh: BV CH và PHCN Quy Nhơn tăng cao nhất 6,59%; BVĐK KV Bồng Sơn tăng 4,68%; BV Mắt tỉnh Bình Định tăng 4,28%; BVĐK tỉnh Bình Định tăng 3,09%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Tuy Phước tăng cao nhất 7,84%; TTYT huyện Hoài Ân tăng 7,67%; TTYT huyện An Lão tăng 5,90%; TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng 4,92%; TTYT huyện Phù Cát tăng 4,41%; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 4,19%; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 3,75%; TTYT thị xã An Nhơn tăng 3,61%; TTYT huyện Tây Sơn tăng 3,08%; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 2,82%.

7.1.2. Có 16 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa cao hơn 16,44%.
- BV tuyến tỉnh: BVĐK KV Bồng Sơn tỷ lệ cao nhất 13,42%; BV 13/QK5 cao hơn 12,43%; BV CH và PHCN Quy Nhơn cao hơn 10,01%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Hoài Ân tỷ lệ cao nhất 18,47%; TTYT huyện An Lão cao hơn 12,92%; TTYT huyện Vân Canh cao hơn 11,89%; TTYT huyện Tuy Phước cao hơn 10,88%; TTYT huyện Vĩnh Thạnh cao hơn 10,27%; TTYT huyện Tây Sơn cao hơn 9,96%; TTYT thị xã An Nhơn cao hơn 9,46%; BV Bình Định cao hơn 9,28%; TTYT huyện Phù Mỹ cao hơn 8,96%; BVĐK Hòa Bình cao hơn 8,41%; TTYT thị xã Hoài Nhơn cao hơn 8,10%; TTYT huyện Phù Cát cao hơn 5,40%.

7.2. Cơ cấu chi phí thuốc: Bình quân cơ cấu chi phí thuốc toàn tỉnh là 19,88%, tăng 3,17% so với cùng kỳ.

7.2.1. Có 04 cơ sở tăng hơn 2% so với cùng kỳ

- BV tuyến tỉnh: BVĐK tỉnh Bình Định tăng cao nhất 4,15%; BV Mắt tỉnh Bình Định tăng 2,81%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng cao nhất 4,57%; TTYT huyện Tây Sơn tăng 4,44%.

7.2.2. Có 03 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

- BV tuyến tỉnh: BVĐK tỉnh Bình Định cao hơn 3,09%.
- BV tuyến huyện: TTYT thành phố Quy Nhơn tỷ lệ cao nhất 4,45%; TTYT huyện Tây Sơn cao hơn 2,69%.

7.3. Cơ cấu chi phí xét nghiệm: Bình quân cơ cấu chi phí xét nghiệm toàn tỉnh là 5,33%. Có TTYT huyện Phù Cát cao hơn 2,17% so với TQ.

7.4. Cơ cấu chi phí CDHA: Bình quân cơ cấu chi phí CDHA toàn tỉnh là 5,34%, tăng 0,35% so với cùng kỳ. Có BVĐK KV Bồng Sơn cao hơn 3,07% so với TQ.

7.5. Cơ cấu chi phí PTTT: Bình quân cơ cấu chi phí PTTT toàn tỉnh là 21,32%, cao hơn 1,04% so với TQ (TQ: 20,28%).

7.5.1. Có 03 cơ sở tăng >2% so với cùng kỳ

- BV tuyến tỉnh: BV Mắt tỉnh Bình Định tăng cao nhất 13,04%; BV CH và PHCN Quy Nhơn tăng 7,46%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vân Canh tăng 5,86%.

7.5.2. Có 02 cơ sở cao hơn 2% so với toàn quốc

BV tuyến tỉnh: BV Mắt tỉnh Bình Định tỷ lệ cao nhất 8,77%; BV CH và PHCN Quy Nhơn cao hơn 4,49%.

7.6. Cơ cấu chi phí VTYT (bao gồm VTYT có tỷ lệ): Bình quân cơ cấu chi phí VTYT toàn tỉnh là 13,85%.

7.6.1. Có 01 cơ sở tăng so với cùng kỳ: BV Bình Định tỷ lệ tăng 5,69%.

7.6.2. Có 03 cơ sở cao hơn 2% so với TQ

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa cao hơn 9,75%.
- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tỷ lệ cao nhất 6,05%; BVĐK tỉnh Bình Định cao hơn 3,25%.

8. So sánh giường kế hoạch và giường thực kê tại các cơ sở KCB

6 tháng đầu năm 2023, số giường kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao là 5.370 giường. Trong đó: Sở Y tế Bình Định giao tại Quyết định số 2927/QĐ-SYT ngày 29/12/2022 là 4.100 giường; Bộ Y tế giao là 1.270 giường. Số giường thực kê là 7.645 giường. Số giường kê tăng thêm do Giám đốc các BV ban hành quyết định là 2.285 giường (tăng 42,55% so với giường kế hoạch).

Toàn tỉnh có 22/23 cơ sở kê thêm giường bệnh và tăng cao so với giường kế hoạch, cụ thể:

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 32,58%.
- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tăng cao nhất 80%; BVĐK KV Bồng Sơn tăng 66,67%; BVĐK tỉnh Bình Định tăng 31,33%; BV Tâm Thần Bình Định tăng 21,43%; BV Mắt tỉnh Bình Định tăng 15%; BV CH và PHCN Quy Nhơn tăng 6,5%.
- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vân Canh tăng cao nhất 133,33%; TTYT huyện Tuy Phước tăng 82%; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 76,47%; TTYT thị xã An Nhơn tăng 72,96%; TTYT huyện Tây Sơn tăng 68,64%; TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng 53,85%; TTYT huyện Phù Cát tăng 50,48%; TTYT huyện Hoài Ân tăng 49,29%; TTYT huyện An Lão tăng 45%; BV Bình Định tăng 40,65%; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 31,25%; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 20,31%; BVĐK Hòa Bình tăng 11,11%.

II. Nguyên nhân gia tăng chi phí

1. Nhóm thuốc gia tăng chi phí

1.1. Nhóm thuốc điều trị ung thư: Toàn tỉnh có 01 cơ sở có chức năng điều trị bệnh ung thư là BVĐK tỉnh Bình Định. Chi phí nhóm thuốc điều trị ung thư 6 tháng đầu năm 2023 là 10,011 tỷ đồng, tăng 1,171 tỷ đồng (13,25%) so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 là 8,840 tỷ đồng), tăng cao và đứng thứ 31 TQ (TQ tăng 14,08%). Trong đó: chi phí sử dụng nội trú là 2,636 tỷ đồng, tăng 13,364 triệu đồng (0,51%) so với cùng kỳ, chi phí sử dụng ngoại trú là 7,375 tỷ đồng, tăng 1,158 tỷ đồng (18,63%) so với cùng kỳ.

1.2. Nhóm thuốc kháng sinh: chi phí sử dụng toàn tỉnh là 55,742 tỷ đồng, tăng 15,406 tỷ đồng (38,19%) so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 là 40,336 tỷ đồng), tăng cao và đứng thứ 17 TQ (TQ tăng 21,38%). Trong đó: chi phí sử dụng

nội trú là 42,192 tỷ đồng, tăng 18,966 tỷ đồng (35,48%) so với cùng kỳ, chi phí sử dụng ngoại trú là 13,548 tỷ đồng, tăng 10,443 tỷ đồng (47,35 %) so với cùng kỳ.

Toàn tỉnh có 26/33 cơ sở KCB BHYT tăng so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

- BV tuyến tỉnh: BV Tâm thần Bình Định tăng cao nhất, tăng 371,71%, số tiền tăng 4,998 triệu đồng; BVĐK tỉnh Bình Định tăng 35,56%, số tiền tăng 8.072 triệu đồng

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng 201,63%, số tiền tăng 422,567 triệu đồng; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 125,37%, số tiền tăng 516,253 triệu đồng. TTYT huyện Tây Sơn tăng 107,19%, số tiền tăng 857,064 triệu đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 102,37%, số tiền tăng 370,5 triệu đồng. TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 101,90 %, số tiền tăng 1.971,987 triệu đồng.

- PKĐK tư nhân: PKĐK 38 Lê Lợi tăng cao nhất, tăng 141,5%, số tiền tăng 501,180 triệu đồng; PKĐK Phạm Ngọc Thạch tăng 123,31%, số tiền tăng 16,287 triệu đồng; PKĐK Toàn Mỹ tăng 77,76%, số tiền tăng 5,280 triệu đồng.

1.3. Nhóm thuốc chế phẩm YHCT: chi phí 6 tháng đầu năm 2023 là 19,805 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,59% tổng chi thuốc toàn tỉnh, tăng 5,919 tỷ đồng (42,62%) so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 là 13,886 tỷ đồng), tăng cao và đứng thứ 12 TQ (TQ tăng 14,77%). Trong đó: Chi phí sử dụng nội trú là 1,347 tỷ đồng, tăng 742,834 triệu đồng (122,9%) so với cùng kỳ, chi phí sử dụng ngoại trú là 18,457 tỷ đồng, tăng 5,175 tỷ đồng (38,97%) so với cùng kỳ.

Toàn tỉnh có 23/33 cơ sở KCB BHYT có chi phí nhóm thuốc chế phẩm YHCT tăng so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

- BV tuyến tỉnh: BVĐK KV Bồng Sơn tăng cao nhất, tăng 46,35%, số tiền tăng 409,194 triệu đồng; BV Mắt tỉnh Bình Định tăng 46,34%, số tiền tăng 17,9743 triệu đồng; BVĐK tỉnh Bình Định tăng 30,77%, số tiền tăng 804,591 triệu đồng; BV Tâm thần Bình Định tăng 26,16%, số tiền tăng 4,344 triệu đồng; BV 13/QK5 tăng 16,66%, số tiền tăng 10,047 triệu đồng.

- BV tuyến huyện: TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng cao nhất, tăng 168,75%, số tiền tăng 186,850 triệu đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 125,85%, số tiền tăng 370,251 triệu đồng; TTYT huyện Tây Sơn tăng 94,70%, số tiền tăng 865,244 triệu đồng; TTYT thị xã An Nhơn tăng 73,45%, số tiền tăng 607,743 triệu đồng; TTYT huyện Hoài Ân tăng 70,74%, số tiền tăng 261,950 triệu đồng; TTYT huyện Phù Cát tăng 53,55%, số tiền tăng 753,853 triệu đồng; TTYT huyện Vân Canh tăng 53,22%, số tiền tăng 84,865 triệu đồng; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 46,49%, số tiền tăng 412,123 triệu đồng; TTYT huyện An Lão tăng 44,92%, số tiền tăng 51,639 triệu đồng; BVĐK Hòa Bình tăng 16,32%, số tiền tăng 82,6 triệu đồng.

- PKĐK tư nhân: PKĐK Phạm Ngọc Thạch tăng cao nhất, tăng 78,83%, số tiền 22,444 triệu đồng; PKĐK Bửu Hoa tăng 65,09%, số tiền tăng 27.085 triệu đồng; PKĐK Thành Long tăng 51,0%, số tiền tăng 102,709 triệu đồng; PKĐK Toàn Mỹ tăng 32,28%, số tiền tăng 3,126 triệu đồng; PKĐK 38 Lê Lợi tăng 19,32%, số tiền tăng 39,450 triệu đồng.

2. Chi phí giường gia tăng

Chi phí tiền giường 6 tháng đầu năm 2023 là 142.531 tỷ đồng, tăng 44,198 tỷ đồng (44,95%) so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 là 98,333 tỷ đồng), tăng cao và đứng thứ 22 toàn quốc (TQ tăng 33,66%).

Toàn tỉnh có 21/23 cơ sở KCB tăng so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 25,75%, số tiền tăng 1,336 tỷ đồng;

- BV tuyến tỉnh: BV 13/QK5 tăng 65,25 %, số tiền tăng 753,117 triệu đồng; BVĐK KV Bồng Sơn tăng 40,95 %, số tiền tăng 4,080 tỷ đồng; BV Tâm thần Bình Định tăng 38,76 %, số tiền tăng 1,037 tỷ đồng. BVĐK tỉnh Bình Định tăng 35,55% , số tiền tăng 14,002 tỷ đồng; BV CH và PHCN Quy Nhơn tăng 4,81%, số tiền tăng 132,566 triệu đồng.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng cao nhất, tăng 116,53%, số tiền tăng 1,433 tỷ đồng; TTYT huyện Tây Sơn tăng 111,02%, số tiền tăng 2,951 tỷ đồng; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 87,84%, số tiền tăng 1,864 tỷ đồng; TTYT huyện Vân Canh tăng 86,13%, số tiền tăng 430,160 triệu đồng; TTYT huyện Tuy Phước tăng 80,79%, số tiền tăng 1,851 tỷ đồng; TTYT thị xã An Nhơn tăng 68,65%, số tiền tăng 3,360 tỷ đồng; TTYT huyện An Lão tăng 67,90%, số tiền tăng 266,734 triệu đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 65,25%, số tiền tăng 753,117 triệu đồng; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 56,43%, số tiền tăng 2,772 tỷ đồng; TTYT huyện Phù Cát tăng 43,71%, số tiền tăng 1,397 tỷ đồng; BV Hòa Bình tăng 27,93%, số tiền tăng 312,687 triệu đồng; BV Bình Định tăng 21,80%, số tiền tăng 1,091 tỷ đồng.

3. Nhóm dịch vụ kỹ thuật (DVKT) gia tăng chi phí (bao gồm: chi phí xét nghiệm, CDHA, TTPT)

Nhóm chi phí DVKT 6 tháng đầu năm 2023 là 211,905 tỷ đồng. tăng 31,528 tỷ đồng (17,48%) so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 là 180,377 tỷ đồng), đứng thứ 52 TQ (TQ tăng 24,86%).

Toàn tỉnh có 27/33 cơ sở KCB có chi phí nhóm DVKT 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

- BV Tuyến TW: BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 11,33%, số tiền tăng 743,744 triệu đồng.

- BV tuyến tỉnh: BV Tâm thần Bình Định tăng cao nhất, tăng 38,10%, số tiền tăng 99,663 triệu đồng; BV 13/QK5 tăng 28,37%, số tiền tăng 333,731 triệu đồng; BVĐK tỉnh Bình Định tăng 18,14%, số tiền tăng 41,049 tỷ đồng; BVĐK KV Bồng Sơn tăng 14,96%, số tiền tăng 2,093 tỷ đồng; BV CH và PHCN Quy Nhơn tăng 10,41%, số tiền tăng 345,982 triệu đồng.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vân Canh tăng cao nhất, tăng 115,57%, số tiền tăng 316,290 triệu đồng; TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng 64,22%, số tiền tăng 539,406 triệu đồng; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 63,99%, số tiền tăng 1,279 tỷ đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 46,80%, số tiền tăng 1,305 tỷ đồng; TTYT thị xã

An Nhơn tăng 37,82%, số tiền tăng 1,710 tỷ đồng; BVĐK Hòa Bình tăng 34,17%, số tiền tăng 2,216 tỷ đồng; TTYT huyện Tây Sơn tăng 31,33%, số tiền tăng 940,315 triệu đồng; TTYT huyện An Lão tăng 29,79%, số tiền tăng 121,373 triệu đồng; TTYT thành phố Quy Nhơn tăng 28,21%, số tiền tăng 2,330 tỷ đồng; TTYT huyện Phù Cát tăng 24,99%, số tiền tăng 859,261 triệu đồng; TTYT huyện Tuy Phước tăng 20,65%, số tiền tăng 523,010 triệu đồng; BV Bình Định tăng 15,86%, số tiền tăng 2,233 tỷ đồng;.

- PKĐK tư nhân: PKĐK Phạm Ngọc Thạch tăng cao nhất, tăng 84,75%, số tiền tăng 93,979 triệu đồng; PKĐK Thành Long tăng 39,23%, số tiền tăng 1,239 tỷ đồng; PKĐK 38 Lê Lợi tăng 37,75%, số tiền tăng 813,509 triệu đồng; PKĐK Đinh Trọng Sơn tăng 37,35%, số tiền tăng 174,970 triệu đồng; PKĐK Toàn Mỹ tăng 21,96%, số tiền tăng 64,826 triệu đồng; PKĐK Thành Danh tăng 20,59%, số tiền tăng 83,145 triệu đồng; PKĐK Hương Sơn tăng 13,93%, số tiền tăng 186,876 triệu đồng; PKĐK Giang San tăng 12,06%, số tiền tăng 267,503 triệu đồng; PKĐK Diêu Trì tăng 11,92%, số tiền tăng 112,970 triệu đồng.

4. Nhóm VTYT gia tăng chi phí

Nhóm chi phí VTYT 6 tháng đầu năm 2023 là 61,600 tỷ đồng, giảm 17,087 tỷ đồng (-21,71%) so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 là 78,687 tỷ đồng).

Toàn tỉnh có 12/33 cơ sở KCB có chi phí nhóm VTYT 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

- BV tuyến TW: BV Phong - Da liễu TW Quy Hòa tăng 13,60%, số tiền tăng 607,776 triệu đồng.

- BV tuyến tỉnh: BVĐK KV Bồng Sơn tăng 2,14%, số tiền tăng 24,372 triệu đồng.

- BV tuyến huyện: TTYT huyện Vĩnh Thạnh tăng cao nhất, tăng 135,62%, số tiền tăng 43,803 triệu đồng; TTYT huyện Vân Canh tăng 91,59%, số tiền tăng 5,211 triệu đồng; BV Bình Định tăng 68,89%, số tiền tăng 996,549 triệu đồng; TTYT thị xã An Nhơn tăng 67,61%, số tiền tăng 55,857 triệu đồng; TTYT thị xã Hoài Nhơn tăng 46,19%, số tiền tăng 48,456 triệu đồng; TTYT huyện Tuy Phước tăng 44,90%, số tiền tăng 15,350 triệu đồng; TTYT huyện Phù Mỹ tăng 42,95%, số tiền tăng 8,882 triệu đồng; TTYT huyện An Lão tăng 32,73%, số tiền tăng 3,281 triệu đồng; TTYT huyện Phù Cát tăng 27,08%, số tiền tăng 31,095 triệu đồng; TTYT huyện Tây Sơn tăng 17,13%, số tiền tăng 15,117 triệu đồng.

III. Khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định BHYT

- Hiện nay việc cập nhật thông tin các bảng Danh mục theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình Giám định BHYT (Quyết định số 3618/QĐ-BHXH): Tỉnh Bình Định là một trong các tỉnh chưa cập nhật đầy đủ bảng Danh mục 1, 2, 4, 5, cụ thể:

+ Bảng 1-Danh mục bàn khám, khoa LS, CLS: Bình Định có 01 cơ sở cập nhật chưa đúng (PKĐK Hòa Đức), đứng thứ 20 toàn quốc.

+ Bảng 2-Danh mục người hành nghề: Bình Định có 07 cơ sở cập nhật chưa đúng (BVĐK tỉnh Bình Định, BVĐK KV Bồng Sơn, TTYT huyện An Lão, TTYT huyện Phù Cát, PKĐK Giang San, PKĐK Toàn Mỹ, TYT xã Phước Sơn) đứng thứ 23 toàn quốc.

+ Bảng 4-Danh mục VTYT: Bình Định có 03 BV cập nhật chưa đúng (TTYT huyện Hoài Ân, TTYT huyện Phù Cát, TTYT thị xã An Nhơn), đứng thứ 21 toàn quốc.

+ Bảng 5-Danh mục DVKT: Bình Định có 09 cơ sở (BVĐK tỉnh Bình Định, BVĐK KV Bồng Sơn, TTYT huyện Phù Cát, PK KV Cát Minh, TYT xã Cát Khánh, TYT xã Cát Thành, TYT xã Cát Hải, TYT xã Cát Tài, TYT xã Cát Hanh) cập nhật chưa đúng, đứng thứ 23 toàn quốc.

Việc cập nhật chưa đúng các bảng đang mục dẫn đến xuất toán tự động DVKT, VTYT trên Hệ thống Giám định BHYT.

- Việc chuyển dữ liệu lên Cổng thông tin giám định BHYT của một số cơ sở KCB chưa thực hiện tốt việc chuẩn hóa dữ liệu theo quy định tại Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí KCB BHYT (Quyết định 4210) và Công văn số 5149/BYT-BH ngày 27/6/2021 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn dữ liệu đầu ra thực hiện Thông tư số 04/2021/TT-BYT (Công văn 5149) như thiếu mã ICD và chẩn đoán bệnh; sai chứng chỉ hành nghề; thời gian thực hiện y lệnh trùng hoặc trước thời gian chỉ định; thời gian chỉ định xét nghiệm, CDHA...sau chỉ định thuốc (ngoại trú); thực hiện nhiều DVKT cùng thời gian/một bệnh nhân hoặc thực hiện nhiều DVKT cùng thời gian/nhiều bệnh nhân; thời gian thực hiện khám bệnh dưới 5 phút; thời gian siêu âm hoặc điện tim dưới 5 phút,...phải điều chỉnh và thay thế nhiều lần gây khó khăn trong công tác tổng hợp số liệu báo cáo, kiểm soát thanh toán chi KCB BHYT.

- Hiện nay, toàn tỉnh có 645/1.406 (45,87%) trang thiết bị thiếu giấy chứng nhận nhập khẩu của Bộ Y tế. Có 72/374 (19,25%) trang thiết bị thiếu giấy chứng nhận kiểm định, cụ thể: TTYT thành phố Quy Nhơn, BV Tâm thần, BV Lao, BV YHCT và PHCN Bình Định, BVĐK KV Bồng Sơn, TTYT thị xã An Nhơn, TTYT huyện Phù Cát, TTYT huyện Hoài Ân, TTYT huyện An Lão, TTYT huyện Vân Canh, TTYT huyện Phù Mỹ.

- Việc giường kê thêm tại các cơ sở KCB BHYT trong tỉnh chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng cơ sở KCB nên giám định viên gặp khó khăn trong công tác giám định thanh toán BHYT.

- Từ khi thực hiện thông tuyến tỉnh đã xảy ra tình trạng bệnh nhân ở tuyến dưới có thể điều trị tốt nhưng vẫn nhập viện tuyến tỉnh, gây quá tải giường bệnh cho BV tuyến tỉnh đồng thời làm gia tăng chi phí KCB BHYT.

IV. Giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc để tăng cường hiệu quả, chất lượng công tác giám định BHYT

- Cơ quan BHXH phối hợp, tăng cường hỗ trợ hướng dẫn các cơ sở KCB trong tỉnh cập nhật thông tin các bảng Danh mục theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 3618/QĐ-BHXH và Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế, ngày 17/4/2023, BHXH tỉnh đã ban hành Quyết định số 508/QĐ-BHXH về việc thành lập Tổ hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh cập nhật thông tin các danh mục, dữ liệu KCB BHYT lên hệ thống thông tin giám định BHYT; kiểm tra và duyệt kịp thời các bảng Danh mục do cơ sở KCB cập nhật; ghi rõ lý do sai và hướng dẫn cho cơ sở KCB khai báo thông tin đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế yêu cầu các cơ sở KCB bổ sung giấy chứng nhận nhập khẩu của Bộ Y tế và giấy kiểm định các trang thiết bị y tế quy định tại Thông tư số 05/2022TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế.

- Tổ chức phân tích đánh giá các chỉ tiêu chung: Số lượt, số chi, tốc độ gia tăng chi phí theo các nhóm đối tượng, hình thức KCB, nhóm chi phí để xác định cụ thể chi phí gia tăng định hướng cho việc xây dựng các chuyên đề tại tỉnh để chỉ đạo các Nhóm giám định và hướng dẫn BHXH các huyện thực hiện những nội dung cần kiểm tra, giám định tại các cơ sở KCB BHYT, đề nghị cơ sở KCB BHYT thực hiện các giải pháp điều chỉnh việc chỉ định sử dụng hợp lý đối với từng nhóm chi phí, đảm bảo quyền lợi của người bệnh, cân đối được nguồn quỹ BHYT.

- Có kế hoạch kiểm tra các cơ sở KCB BHYT có chi phí tăng bất thường so với cùng kỳ năm trước hoặc các cơ sở KCB BHYT có các chỉ số gia tăng cao so với bình quân của các cơ sở cùng tuyến, hạng trên địa bàn tỉnh, khu vực và toàn quốc.

- Phối hợp Sở Y tế, hàng quý tổ chức giao ban, đánh giá việc thực hiện nguồn quỹ BHYT, thông báo nguyên nhân gia tăng chi phí bất hợp lý và thống nhất các giải pháp chấn chỉnh chi phí gia tăng bất hợp lý để cơ sở KCB được biết mà điều chỉnh chi phí của đơn vị theo hướng sử dụng quỹ BHYT có hiệu quả, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ bệnh nhân điều trị nội trú thông tuyến tỉnh thường xuyên hoặc đột xuất tại bệnh phòng và nơi cư trú của người bệnh để phát hiện kịp thời tình trạng gian lận trong thanh toán BHYT.

- Kịp thời thông báo cho BHXH các huyện, thị xã phối hợp với cơ sở KCB BHYT trong tỉnh tổ chức kiểm tra, giám định các chi phí gia tăng bất thường.

- Định kỳ hằng quý, BHXH huyện, thị xã báo cáo Huyện ủy, UBND huyện kết quả công tác KCB BHYT trên địa bàn huyện để nắm bắt chỉ đạo kịp thời.

- Tiếp tục triển khai thực hiện KCB BHYT bằng CCCD gắn chip hoặc qua ứng dụng VNeID hoặc VssID BHXH số.

- Kiểm tra, giám định chặt chẽ công tác đấu thầu, trọng tâm ở khâu thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu; kiểm tra việc cung ứng, sử dụng và thanh toán chi phí

thuốc, vật tư y tế tại cơ sở KCB, đảm bảo mua sắm thanh toán đúng quy định, sử dụng hợp lý, an toàn và hiệu quả trong quá trình điều trị.

V. Kiến nghị

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Y tế yêu cầu các cơ sở KCB trong tỉnh sử dụng quỹ KCB BHYT có hiệu quả, tránh lạm dụng tại đơn vị, không thu thêm người bệnh có thẻ BHYT các chi phí đã cơ cấu trong giường bệnh và trong dịch vụ kỹ thuật được quỹ BHYT thanh toán.

- Yêu cầu các cơ sở KCB BHYT bổ sung giấy chứng nhận nhập khẩu đối với 645 trang thiết bị y tế thiếu giấy chứng nhận nhập khẩu; thực hiện kiểm định đối với 72 trang thiết bị y tế chưa có giấy kiểm định trước ngày 01/6/2023 theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư 05.

- Yêu cầu các cơ sở KCB BHYT thực hiện cập nhật đầy đủ và chính xác thông tin các bảng danh mục: Bảng 1, bảng 2, bảng 4, bảng 5 theo Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Quyết định 3618; việc đẩy dữ liệu lên Cổng thông tin giám định BHYT đúng quy định tại Quyết định số 4210, Công văn số 5149 và Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan có hiệu lực từ ngày 01/9/2023.

- Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở KCB BHYT trong tỉnh cân nhắc việc chỉ định một số loại thuốc có cùng hoạt chất nhưng giá thành cao không cần thiết dẫn đến tình trạng gia tăng chi phí thuốc; cân nhắc việc sử dụng nhóm thuốc chế phẩm YHCT thay thế nhóm thuốc hỗ trợ, thuốc bổ; chỉ định xét nghiệm, dịch vụ cận lâm sàng phù hợp tình trạng bệnh lý của bệnh nhân; tránh tình trạng kéo dài ngày điều trị không cần thiết để tăng thu viện phí.

- Sở Y tế phối hợp với BHXH tỉnh thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra định kỳ hàng quý hoặc đột xuất tại các cơ sở KCB BHYT có chi phí gia tăng bất thường, có nguy cơ lạm dụng để xử lý kịp thời, hạn chế tình trạng trục lợi quỹ BHYT.

BHXH tỉnh Bình Định kính báo cáo và rất mong sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để việc thực hiện nguồn quỹ BHYT được cân đối trên địa bàn tỉnh đồng thời đảm bảo quyền lợi cao nhất cho người tham gia BHYT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế Bình Định;
- Sở Tài chính Bình Định;
- Giám đốc BHXH tỉnh (báo cáo);
- BHXH các huyện, thị xã;
- Cơ sở KCB BHYT trong tỉnh;
- Lưu: VT, GD BHYT (2b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Đề